

Bản án số: **25/2025/DS-ST**

Ngày 22/8/2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Dũng, bà Vũ Thị Thùy Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Hải là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân *khu vực 5*, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Chinh** là Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **01/2025/TLST-DS** ngày **03 tháng 01 năm 2025**, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:**

Ông Vũ Thành T, sinh năm 1986;

Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ tại tổ A, ấp F, xã S, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1987;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Nguyễn Trung K, sinh năm 1983;

Cùng nơi cư trú tại tổ I, ấp A, xã X, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2025 và ý kiến yêu cầu bên nguyên đơn như sau:**

Nguyên đơn và bị đơn có lập văn bản hợp đồng vay tiền như sau:

Vợ chồng nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Thị P có quan hệ thân thiết và rất tin tưởng, khi cần vay tiền để dùng nên bị đơn vay của nguyên đơn 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng).

Để có trách nhiệm cũng như chứng cứ chứng minh về nội dung thoả thuận, ngày 29/12/2023 hai bên đã lập văn bản xác nhận vay tài sản được các bên ký tên. Tuy nhiên, đến thời hạn trả lãi và tất toán khoản nợ theo quy định của Ngân hàng thì bị đơn nhiều lần không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay của nguyên đơn, từ ngày 06/11/2024 đã chuyển thành tiền vay quá hạn.

Bị đơn chỉ thanh toán được một phần tiền nợ gốc và chưa trả tiền gốc là 1.385.999.079 đồng, từ ngày 07/10/2024 đến ngày hôm nay.

Vì bị đơn không trả các khoản tiền vay nên nguyên đơn đã phải trả số tiền vay 1.438.933.854 đồng theo yêu cầu của bên ngân hàng đã vay để đưa bị đơn được nhận theo hợp đồng ngày 29/12/2023.

Hành vi của bị đơn vi phạm thỏa thuận giữa các bên, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, đã rất nhiều lần yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ tiền vay nhưng bị đơn cố tình không thực hiện để giải quyết sự việc trả tiền vay.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả tiền vay nợ gốc là 1.385.999.079 đồng và tiền lãi 01%/tháng tính từ ngày 06/11/2024, tổng cộng tiền vay gốc, lãi là **1.411.870.000 đồng và tính** tiền lãi quá hạn phát sinh sau khi xét xử vụ án.

** Ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:* Các đương sự không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên:***

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bên bị đơn vắng mặt không tham gia phiên tòa.

Giải quyết vụ án: Bị đơn và nguyên đơn có ký tên trong giấy văn bản vay tài sản của nguyên đơn là có thật, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền vay theo hợp đồng là có căn cứ pháp luật.

Căn cứ: Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 468, Điều 463, 466, **470**, 689 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bị đơn phải trả tiền vay gốc, lãi là **1.411.870.000 đồng**;

Bị đơn phải chịu án phí theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án:

[1] Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án, về người tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án:

Bị đơn có nơi cư trú tại xã X, tỉnh Đồng Nai. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Đồng Nai theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả tiền vay là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị đơn, ông K đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bên nguyên đơn có đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt đương sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến vẫn tiến hành xét xử vụ án theo khoản 2 Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 4 **Điều 91** của Bộ luật Tố tụng dân sự và chứng cứ đã được xem xét, tranh tụng tại phiên tòa để giải quyết vụ án.

Đến nay bên bị đơn không có ý kiến phản đối nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo **khoản 2 Điều 92** của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn xác lập hợp đồng tín dụng vay tài sản, đã thực hiện theo nội dung hợp đồng, bị đơn đã được nhận tiền vay nhưng không trả được tiền vay đầy đủ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền vay nợ gốc, lãi tổng cộng là **1.411.870.000 đồng**.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 29/12/2023 bị đơn trực tiếp viết chữ ký tên trong giấy vay tài sản (tiền) 1.400.000.000 đồng và đã đồng ý theo nội dung văn bản hợp đồng từ thời điểm này đến nay. Sau khi nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn không đưa ra chứng cứ chứng minh về nội dung tranh chấp nên có cơ sở pháp lý để chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn phải trả tiền vay **1.411.870.000 đồng** (có tiền vay nợ gốc 1.385.999.079 đồng và tính tiền lãi 01%/tháng từ ngày 06/11/2024) theo hợp đồng nhưng bị đơn không trả tiền vay là vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Như vậy bị đơn đã xâm phạm quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nguyên đơn khởi kiện là phù hợp Điều 186 và điểm g khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về thời hạn trả tiền vay nợ gốc, lãi là loại hợp đồng vay có kỳ hạn có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Qua ý kiến trình bày của các đương sự trong vụ án và chứng cứ của các bên cung cấp chứng minh đối với ý kiến của mình, đối với thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn trong hợp đồng vay tài sản là phù hợp Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015

Bị đơn nhận tiền vay để sử dụng là hợp pháp. Ông K từng là chồng của bị đơn là đương sự có liên quan trong vụ án nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả tiền vay nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 158 của Bộ luật dân sự năm 2015

Giao dịch, hợp đồng giữa các đương sự được xác lập năm 2023, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án theo Điều 689 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ quy định pháp luật như trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bị đơn phải trả tiền vay nợ gốc, lãi tổng cộng là **1.411.870.000 đồng** đối với nguyên đơn là phù hợp chứng cứ vụ án và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để tính lãi đối với bên phải thi hành án.

[3] Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm là 54.356.000 đồng theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH/14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Kiểm sát viên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 186, điểm g khoản 4 Điều 189, khoản 2 Điều 227, 228, 238, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 158, 463, 466, khoản 2 Điều 470, 689 của Bộ luật dân sự năm 2015 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH/14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bị đơn bà Nguyễn Thị P phải có trách nhiệm trả tiền vay là **1.411.870.000đ** (một tỷ, bốn trăm mười một triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng) đối với nguyên đơn.

Kể từ ngày tiếp theo là ngày 23/8/2025 bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn (chậm trả) đối với tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đến ngày thanh toán xong tiền vay nợ gốc.

2. Về án phí:

Bị đơn phải chịu 54.356.000đ (năm mươi bốn triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.178.000đ (hai mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012856 ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

* Về trách nhiệm thi hành án dân sự:

Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, 6, 7, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tổng đạt Bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp (2);
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, cơ quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Đính

Chứng cứ khởi kiện: Giấy xác nhận vay tài sản ngày 29/12/2023 = phải là bản chính để được coi là cc; *ô Kiên k tham gia= yk của nđ...= Đ5 BLTTDS = án phí ... phải chịu